

Số: /2024/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

THÔNG TƯ**Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với viên chức giảng dạy chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt công lập (sau đây gọi chung là giáo viên mầm non, phổ thông) và viên chức giảng dạy chương trình giáo dục dự bị đại học, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong các trường dự bị đại học (sau đây gọi chung là giáo viên dự bị đại học) đã được bổ nhiệm vào hạng

chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông, dự bị đại học, đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông, dự bị đại học và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức theo phân công, phân cấp có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông và giáo viên dự bị đại học.

Chương II **TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG** **CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

Mục I **TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG** **CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON**

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II

Giáo viên mầm non được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên mầm non hạng II theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên mầm non đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26).

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (sau đây gọi tắt là Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT) và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT).

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I

Giáo viên mầm non được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I (mã số V.07.02.24) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên hạng I theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên mầm non đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương, có 05 (năm) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 (hai) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT và khoản 4, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và trong thời gian giữ hạng tương đương.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

Mục II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II

Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên hạng II theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên tiểu học đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29).

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT) và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I

Giáo viên tiểu học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I (mã số V.07.03.27) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên hạng I theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên tiểu học đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tương đương, có 05 (năm) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 (hai) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và trong thời gian giữ hạng tương đương.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

Mục III

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

Điều 7. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II

Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên hạng II theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên trung học cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32).

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT) và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I

Giáo viên trung học cơ sở được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên hạng I theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên trung học cơ sở đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương, có 05 (năm) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 (hai) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 5 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và trong thời gian giữ hạng tương đương.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

Mục IV

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II

Giáo viên trung học phổ thông được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên hạng II theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên trung học phổ thông đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (mã số V.07.05.15).

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT) và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy

định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I

Giáo viên trung học phổ thông được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I (mã số V.07.05.13) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên hạng I theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên trung học phổ thông đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (mã số V.07.05.14).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II và tương đương, có 05 (năm) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 (hai) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h khoản 4 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Trong đó, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT phải là các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đạt được trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II và trong thời gian giữ hạng tương đương.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

Mục V

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN DỰ BỊ ĐẠI HỌC

Điều 11. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng II

Giáo viên dự bị đại học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng II (mã số V.07.07.18) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên hạng II theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên dự bị đại học đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng III (mã số V.07.07.19).

2. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng II theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 22/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương giáo viên trường dự bị đại học (sau đây gọi tắt là Thông tư số 22/2023/TT-BGDĐT).

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng II theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 22/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại điểm i khoản 3 Điều 5 Thông tư số 22/2023/TT-BGDĐT. Trường hợp giáo viên trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 12. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng I

Giáo viên dự bị đại học được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng I (mã số V.07.07.17) khi cơ sở giáo dục nơi giáo viên đang công tác có nhu cầu bổ sung số lượng giáo viên hạng I theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giáo viên dự bị đại học đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng II (mã số V.07.07.18).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng II và tương đương, có 05 (năm) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 (hai) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp

tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng I theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TT-BGDĐT.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng I theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TT-BGDĐT.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng II (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương) theo quy định tại điểm i khoản 3 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TT-BGDĐT.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Xác định thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp tương đương

1. Khi giáo viên mầm non đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) theo quy định, thời gian được tính vào thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) gồm có:

a) Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26);

b) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05);

c) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06);

d) Thời gian giữ ngạch giáo viên mầm non chính (mã số 15a.206);

đ) Thời gian giữ ngạch giáo viên mầm non (mã số 15.115);

e) Thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với các hạng, ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản này khi giáo viên được chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

g) Thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đáp ứng quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

2. Khi giáo viên tiểu học đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) theo quy định, thời gian được tính vào thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) gồm có:

a) Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29);

b) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08);

c) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09);

d) Thời gian giữ ngạch giáo viên tiểu học chính (mã số 15a.204);

đ) Thời gian giữ ngạch giáo viên tiểu học (mã số 15.114);

e) Thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với các hạng, ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản này khi giáo viên được chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học;

g) Thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đáp ứng quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

3. Khi giáo viên trung học cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) theo quy định, thời gian được tính vào thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) gồm có:

a) Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32);

b) Thời gian giáo viên giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12);

c) Thời gian giáo viên giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202);

d) Thời gian khác được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương với các hạng, ngạch quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này khi giáo viên được chuyển chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở;

đ) Thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đáp ứng quy định của Chính phủ tại điểm d khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

4. Thời gian được xác định tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông hạng III theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này không bao gồm thời gian tập sự.

5. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

6. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

7. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 3 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

8. Việc xác định thời gian tương đương với thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I (mã số V.07.05.13), hạng II (mã số V.07.05.14), hạng III (mã số V.07.05.15) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT.

Điều 14. Điều khoản áp dụng

1. Trường hợp giáo viên có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được xác định là đáp ứng tiêu chuẩn về khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

2. Trường hợp cơ sở giáo dục có yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với giáo viên cao hơn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm và bản mô tả, khung năng lực của vị trí việc làm thì được căn cứ vào các tiêu chuẩn này (cùng với các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, lập danh sách cử giáo viên tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

3. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng quy định cụ thể về các danh hiệu thi đua, thành tích khen thưởng trong tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của hạng đăng ký dự xét.

4. Đối với các tiêu chuẩn không yêu cầu minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là biên bản đánh giá, nhận xét về khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn đó và có xác nhận của người đứng đầu cơ sở giáo dục trực tiếp quản lý, sử dụng giáo viên.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.



2. Các cơ quan, tổ chức theo phân công, phân cấp có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông và giáo viên dự bị đại học xác định việc đạt tiêu chuẩn, điều kiện đối với từng trường hợp đăng ký dự xét thăng hạng cụ thể đảm bảo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

4. Thông tư này thay thế Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

5. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Như khoản 5 Điều 15;
- Công báo;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng

BÁO CÁO THUYẾT MINH XÂY DỰNG THÔNG TƯ
Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh
nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập
và giáo viên dự bị đại học

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Căn cứ pháp lý

Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Chính phủ giao cho Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành có trách nhiệm quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đối với trường hợp thăng lên hạng II và hạng I thuộc ngành, lĩnh vực quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét, bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và quyền lợi của viên chức (ngoài các quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

Bên cạnh đó, một số quy định liên quan đến thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đã được Chính phủ điều chỉnh tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Bỏ hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (khoản 38 Điều 1);
- Sửa đổi quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (khoản 16 Điều 1); hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (khoản 18 Điều 1); nội dung, hình thức xét thăng hạng (khoản 19 Điều 1); xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng (khoản 20 Điều 1);
- Bổ sung quy định về thông báo kết quả xét thăng hạng (khoản 21).

2. Căn cứ thực tiễn

Hiện tại, việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập. Tuy nhiên, khi Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 07/12/2023 thì các quy định về thăng hạng chức danh nghề nghiệp có nhiều điều chỉnh như đã nêu ở trên, dẫn đến việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề

nghiệp theo quy định tại Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT không còn phù hợp, gây khó khăn cho địa phương.

Bên cạnh đó, trong quá trình tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho giáo viên, đặc biệt là giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, nhiều địa phương còn lúng túng trong việc xác định thời gian giữ hạng tương đương để xét tiêu chuẩn, điều kiện về thời gian giữ hạng thấp hơn liền kề khi giáo viên đăng ký dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Đồng thời, địa phương còn gặp khó khăn trong việc quy định các minh chứng cho việc đạt tiêu chuẩn về khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng; cách xác định các minh chứng theo yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng;...

Do đó, việc Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học là đúng thẩm quyền và cần thiết để đảm bảo thống nhất với quy định tại văn bản có tính pháp lý cao hơn, đồng thời khắc phục một số khó khăn để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích

- Hoàn thiện hành lang pháp lý trong việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Giáo dục.
- Đảm bảo tính thống nhất với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.
- Khắc phục một số bất cập nảy sinh trong quá trình triển khai để bảo đảm phù hợp với thực tiễn; đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và đảm bảo quyền lợi của giáo viên.

2. Quan điểm chỉ đạo

Xây dựng Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật; không phát sinh quy định thủ tục hành chính.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Quá trình xây dựng Thông tư tuân thủ đúng quy định về soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong thời gian gửi đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ gửi xin ý kiến góp ý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban dân tộc, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố (Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, giáo viên), các trường dự bị đại học và các tổ chức, cá nhân có liên quan để có căn cứ tiếp tục hoàn thiện, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, ban hành theo thẩm quyền.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

Thông tư gồm 3 Chương 15 Điều, cụ thể như sau:

- **Chương I – Những quy định chung.** Gồm 02 điều, quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- **Chương II – Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.** Gồm 5 mục, 10 điều quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng giáo viên từng cấp học, từng hạng, cụ thể:

Mục I – Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non. Gồm 02 điều, quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I.

Mục II – Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Gồm 02 điều, quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II và tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I.

Mục III – Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở. Gồm 02 điều, quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II và tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I.

Mục IV – Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông. Gồm 02 điều, quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II và tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I.

Mục V – Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học. Gồm 02 điều, quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng II và tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học hạng I.

- **Chương III – Điều khoản thi hành.** Gồm 3 Điều quy định về việc xác định thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp tương đương, điều khoản áp dụng, điều khoản thi hành.

V. NHỮNG ĐIỂM MỚI, THAY ĐỔI

- Bỏ các quy định về thi thăng hạng, bỏ quy định về nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng tại Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT. Do Nghị định số 85/2023/NĐ-CP đã bỏ hình thức thi thăng hạng và quy định chi tiết về nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

- Quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng lên hạng II và hạng I đối với giáo viên mầm non, phổ thông, giáo viên dự bị đại học theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP. Trong đó, ngoài tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Chính phủ tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, để đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và không trái

với các quy định hiện hành, tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng có thêm một số điểm đáng chú ý sau:

+ Về tiêu chuẩn xếp loại chất lượng trong thời gian công tác đối với người đăng ký dự xét lên hạng I: Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II và tương đương, có 05 (năm) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 (hai) năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (khoản 2 các Điều 4, 6, 8, 10, 12 dự thảo Thông tư).

+ Về danh hiệu thi đua và thành tích khen thưởng trong tiêu chuẩn, điều kiện năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đăng ký dự xét hạng I: Phải là các danh hiệu thi đua và thành tích khen thưởng đạt được trong thời gian giữ hạng II (khoản 4 các Điều 4, 6, 8, 10 dự thảo Thông tư; riêng giáo viên dự bị đại học đã quy định nội dung này trong Thông tư tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học). Đồng thời, giao cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng quy định cụ thể về các danh hiệu thi đua, thành tích khen thưởng trong tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của hạng đăng ký dự xét (khoản 3 Điều 14 dự thảo Thông tư).

+ Trường hợp cơ sở giáo dục có yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với giáo viên cao hơn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Đề án vị trí việc làm và bản mô tả, khung năng lực của vị trí việc làm thì được căn cứ vào các tiêu chuẩn này (cùng với các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, lập danh sách cử giáo viên tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (khoản 2 Điều 14 dự thảo Thông tư).

- Bổ sung quy định về việc xác định thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp tương đương tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc tính thời gian giữ hạng thấp hơn liền kề khi giáo viên đăng ký dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Bổ sung quy định về điều khoản áp dụng đối với các trường hợp: có văn bằng, chứng chỉ được xác định là đáp ứng tiêu chuẩn về khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng; trường hợp cơ sở giáo dục có yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với giáo viên mầm non, phổ thông cao hơn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; minh chứng của việc đạt tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO